TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2023/DS-PT
Ngày: 10-8-2023
V/v: Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Ông Lưu Văn Uẩn

2. Bà Trịnh Thị Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 7 năm 2023, ngày 3 và ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà U là: ông Phạm Văn N, sinh năm 1942.

Địa chỉ: số 157 ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền 29/5/2023 và ngày 31/5/2023).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/01/2020).

- Ông Nguyễn Phạm Tuấn H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: số 165/6C/5A Đô Lương, phường 12, thành phố V, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (chết ngày 13/4/2022).

Địa chỉ: Ấp Mới 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C:

3.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1973.

3.2. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3 Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp Mới 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 133/8K Văn Thân, phường 8, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

8. Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1958 (vợ của ông Nguyễn Văn V, đã chết năm 2019).

Địa chỉ: số 316 đường tỉnh 827, phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

9. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1981.

10. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: số 23/3B ấp Bình Nam, xã B, thành phố T, Long An (anh T, chị H là con của ông Nguyễn Văn V).

11. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn R: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020).

12. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp Rừng Sến, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

13. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1985.

14. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

15. Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

16. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

17. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bé B - Chức danh: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2019 của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Dương Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị U trình bày như sau:

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H là cụ Nguyễn Văn Rân (chết năm 1991) và cụ Nguyễn Thị Phệt (chết năm 1986). Cụ Rân và cụ Phệt có 11 người con chung gồm bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn V (đã chết năm 2019, có vợ tên Nguyễn Thị Thu L và 02 con chung tên Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Thu H), bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U. Ông Rân có 01 con riêng là bà Nguyễn Thị G; bà Phệt có 01 con riêng tên là Nguyễn Văn Gượng (đã chết, không có vợ con).

Cụ Rân và cụ Phệt qua đời có để lại di sản là quyền sử dụng đất khoảng hơn 1,8ha tại Ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn R quản lý

và đăng ký hơn 10.000m^2, ông Nguyễn Văn T quản lý và đăng ký 41 cao, ông Tạo và ông D mỗi người quản lý và đăng ký khoảng 20 cao. Nhưng kể từ ngày cụ Rân và cụ Phệt chết, số đất trên chưa chia cho các anh chị em của bà U và bà H, cụ Rân và cụ Phệt chết cũng không có để lại di chúc.

Sau khi cụ Rân và cụ Phệt qua đời, ngày 01 tháng 10 năm 2002 các anh chị em của bà U và bà H có họp lại để phân chia di sản của cha mẹ để lại, cụ thể là con trai mỗi người được 1.500m^2, con gái mỗi người được 1.200m^2 nhưng lúc đó anh em chia xong chưa nhận đất. Đến ngày 08 tháng 11 năm 2018, anh em họp mới phân chia lại, con trai và con gái ai cũng được 1.500m^2. Phần của ông Rúp chia cho ông C, ông Phúc, ông Cơ, bà Dữ, bà Dẳn mỗi người 1.500m^2, ông Vình 1000m^2 những người này đã nhận đất. Phần ông Tạo, ông D mỗi người 20 cao đã bán, nhưng hai người này có nghĩa vụ trả tiền cho bà H tương ứng 10 cao. Phần ông T đang quản lý 41 cao nhưng ông T chỉ được hưởng 21 cao, phần còn lại chưa chia cho bà H và bà U.

Do đó, bà U và bà H yêu cầu ông T phải chia cho bà U 1.500m^2 và bà H 500m^2 thuộc phần các thửa đất nêu trên do ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà U và bà H không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Theo Mảnh trích đo mới là một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ (theo Mảnh trích đo cũ là các thửa đất số 619, 8, 9, 10, 45 và 490 tờ bản đồ số 24, 33 đất tọa lạc tại Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T người đại diện là ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Phạm Tuấn H cùng trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H về mối quan hệ huyết thống giữa cha mẹ ông với bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị H. Tài sản cụ Rân và cụ Phệt đã phân chia cho cha ông (ông T), ông Vình và ông D là khu đất gò hiện nay là các thửa đất số 619, 8, 9, 10, 45 và 490 tờ bản đồ số 24, 33 đất tọa lạc tại xã M, diện tích 4.420m^2, loại đất LM, ĐRM, T. Ngoài ra, ông T cũng được cụ Rân và cụ Phệt cho 1000m^2 đất, ông T đổi với ông D lấy luôn phần đất gò và ông Vình bán cho ông T 700m^2 đất. Số đất còn lại các anh chị em chia nhau ông T không biết. Qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông T không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị N, anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Bà Những là vợ ông T; các anh Sơn, anh Phong, anh Bình, chị Nhung là các con của ông T có văn bản trình bày ý kiến, thống nhất ý kiến của ông T trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị G trình bày: Các ông bà có lời trình bày thống nhất lời trình bày của bà U và bà H, các ông bà không có tranh chấp gì trong vụ án và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn

Văn C và ông Nguyễn Văn C trình bày: Các thửa đất ông T sử dụng hiện nay là thửa đất số 355, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ có diện tích khoảng 41 cao có nguồn gốc là của cha mẹ để lại, trong đó có phần ông T được cha mẹ cho ở, phần mua của ông Vình và phần đổi của ông Tạo. Tổng cộng khoảng 22 cao, phần còn lại ông T phải chia cho các chị em gái. Riêng các ông thì không có tranh chấp gì trong vụ án này và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu L (vợ của ông Vình đã chết năm 2019), anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị Thu H (con của ông Vình) trình bày: Các ông bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và bà U với ông T. Các ông bà không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án này và xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Nguồn gốc các thửa đất số 619, tờ bản đồ số 24 đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ và các thửa đất số 8, 9, 10, 45, 490 thuộc tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã M, huyện Đ hiện do ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do được cha mẹ cho và được Ủy ban nhân dân xã M xác nhận ngày 20/02/2003. Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T là đúng quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483; Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 166, Điều 235, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp "*Chia thừa kế quyền sử dụng đất* " với ông Nguyễn Văn T diện tích đất 2000m^2 (trong đó bà H 500m^2, bà U 1.500m^2) thuộc một phần thửa đất số 355, tờ bản đồ số 33, đất tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Bà U và bà H phải chịu 32.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị U phải nộp 12.750.000 đồng án phí. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.625.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 4327 ngày 17/12/20219. Bà U phải nộp thêm 10.125.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 25/9/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U và bà H.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 79/2021/DS-PT ngày 05 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 163, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 100, Điều 166, khoản 2 Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" đối với ông Nguyễn Văn T.

Xác định diện tích đất 4244,4m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 869-2020, hệ tọa độ VN 2000, khu vực nông thôn, Ấp R, tờ bản đồ số 24,33 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 20 tháng 8 năm 2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 27/8/2020 (có sơ đồ kèm theo) do ông Nguyễn Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 20/3/2003, tổng diện tích 4420m^2 là di sản của cụ Nguyễn Thị Phệt và cụ Nguyễn Văn Rân chết để lại.

Di sản trên được chia làm 03 phần:

Bà Nguyễn Thị U được chia một phần thửa 619, tờ bản đồ số 24, loại đất LUK có diện tích 312,9m^2 và một phần thửa 619, tờ bản đồ số 24, loại đất LUK có diện tích 56,8m^2; một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 33 có diện tích 274,4m^2, loại đất BHK; một phần thửa số 8 tờ bản đồ số 33 có diện tích 404,1m^2, loại đất LUK và một phần thửa số 8 tờ bản đồ số 33 có diện tích 80,7m^2; một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 33 có diện tích 135,3m^2, loại đất LUK.

Bà Nguyễn Thị H được chia một phần thửa số 9 (1p) có diện tích 373,8m^2, loại đất BHK.

Vị trí đất bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H được chia tại khu A theo Phụ lục phân khu ngày 26/02/2021 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa.

Giao cho ông Nguyễn Văn T được nhận đất thổ có nhà và các công trình xây dựng khác của ông T và gia đình ông T tại các vị trí 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8 và một phần vị trí số 9b có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2606,4m^2 (khu B theo Phụ lục phân khu ngày 26/02/2021 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa).

Các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 869-2020, hệ tọa độ VN 2000, khu vực nông thôn, Ấp R, tờ bản đồ số 24,33 của Công ty đo đạc nhà đất Trung Nghĩa ngày 20 tháng 8 năm 2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 27/8/2020 (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H được đồng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1638m^2 đất tại một phần thửa 619, tờ bản đồ số 24, loại đất LUK có diện tích 312,9m^2 và 56,8m^2; một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 33 có diện tích 274,4m^2, loại đất BHK; một phần thửa số 8 tờ bản đồ số 33 có diện tích 404,1m^2 và 80,7m^2, loại đất LUK và một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 33 có diện tích 135,3m^2, loại đất lúa; một phần thửa số 9 (1p) có diện tích 373,8m^2, loại đất BHK.

Cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động đất đai tại các thửa đất số 619, 10, 8, 9, 45, 490 thuộc tờ bản đồ số 24 và 33, tọa lạc tại Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm kê khai đăng ký để được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn T tháo dỡ, di dời 01 phần chuồng heo tại vị trí số 9a lấn qua một phần thửa số 9 (1p) có diện tích 10m^2 để trả đất cho bà Nguyễn Thị H.

Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H chừa phần đường đi thuộc một phần thửa số 619 có diện tích 56,8m^2, loại đất LUK và một phần thửa số 8 có diện tích 80,7m^2, loại đất LUK làm lối đi vô thổ mộ.

Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 32.000.000 đồng, bà U và bà H phải chịu. Các đương sự đã nộp và chi xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị U phải chịu 112.368.774 đồng án phí. Chuyển 2.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00004327 ngày 17/12/2019 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006246 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ sang thi hành án phí. Bà U còn phải nộp tiếp số tiền 109.443.774 đồng án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà U và bà H không phải chịu.

Ngày 11/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 133/QĐ-VKS-DS kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 79/2021/DS-PT ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 16/2023/DS-GĐT ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 133/QĐ-VKS-DS ngày 11/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 79/2021/DS-PT ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về vụ án "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị U với bị đơn là ông Nguyễn Văn T. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử phúc thẩm lại.

Ngày 17/5/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đồng ý sử dụng kết quả định giá số 260/31//08/2020/TĐG LA-BĐS của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Phúc đã định giá quyền sử dụng đất đang tranh chấp ngày 31 tháng 08 năm 2020 để làm căn cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu định giá lại và cam kết không khiếu nại về giá.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U và người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà U là ông Phạm Văn N thay đổi yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H với diện tích 200m^2 và bà Nguyễn Thị U với diện tích 1.200m^2 theo tờ phân chia đất ngày 01/10/2002 và yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng tiền vì quyền sử dụng đất được chia không đảm bảo diện tích đất được tách thửa theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có người đại diện là ông Nguyễn Phạm Tuấn H và ông Nguyễn Văn B thống nhất trình bày: Đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với di sản của cụ Rân và cụ Phệt để lại hiện tại do ông T đứng tên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đề nghị trừ diện tích đất ông T nhận chuyển nhượng từ ông Vình là 700m^2 và tính lại diện tích đất ông T hoán đổi là 1000m^2 thành 1.800m^2 từ ông D, như vậy diện tích đất của ông T đứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng lên 800m^2, nếu chia thừa kế thì ngoài kỷ phần ông T được hưởng phải cộng thêm 800m^2 đất tăng thêm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại cấp phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của các nguyên đơn trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị U: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định di sản thừa kế của cụ Rân và cụ Phệt để lại là các thửa đất số 619, 8, 9, 10, 45 và 490 đo thực tế tổng diện tích là 4.244,4m^2, trong đó trừ 700m^2 diện tích đất ông T nhận chuyển nhượng từ ông Vình, như vậy, diện tích đất còn lại là 3.544,4m^2 là di sản thừa kế. Tại phiên tòa đại diện bà U và bà H yêu cầu chia thừa kế theo tờ phân chia đất ngày 01/10/2002 và yêu cầu chia kỷ phần thừa kế được nhận bằng tiền, phía bị đơn cũng đồng ý chia nhưng đề nghị khấu trừ diện tích đất hoán đổi dư và diện tích đất mua. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, nhưng phải tính công sức quản lý, cải tạo nâng giá trị đất cho ông T phù hợp với quá trình quản lý sử dụng đất thực tế của ông T.

Từ những phân tích trên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C chết ngày 13/4/2022. Căn cứ công văn số 366/CV-UBND ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã M, Tòa án xác định các ông bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Thúy H và Nguyễn Thị Hồng T là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn C theo Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Ủy ban nhân dân huyện Đ, bà Nguyễn Thị Thu L, anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Nguyễn Thị Hồng T, bà Hà Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn T, bà

Nguyễn Thị G vắng mặt nhưng đã được tống đạt thủ tục hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[4] Về xác định quan hệ tranh chấp: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Rân và cụ Phệt để lại đối với các thửa đất số 619, 8, 9, 10, 45 và 490 và xác định các thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Rân và cụ Phệt để lại. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất là có căn cứ. Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là không chính xác.

[5] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị U, thấy rằng:

[5.1] Về nguồn gốc đất: Căn cứ Công văn số 139/CV-CN.VPĐKĐĐ tại huyện Đ ngày 18/01/2011 thể hiện cụ Nguyễn Văn Rân, sinh năm 1929 và cụ Nguyễn Thị Phệt, sinh năm 1930 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mẫu giấy trắng). Cụ Nguyễn Văn Rân (chết năm 1991) và cụ Nguyễn Thị Phệt (chết năm 1986) có tất cả 12 người con gồm: Bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Tao, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị G. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng hoặc con nuôi nào khác.

[5.2] Tài sản của cụ Rân và cụ Phệt chết để lại hơn 1,8ha đất tọa lạc tại Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An do cụ Rân đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng, hai cụ chết không để lại di chúc. Sau khi hai cụ chết thì phần đất trên do ông Rúp, ông T, ông Tạo, ông D quản lý sử dụng và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất mỗi người một phần. Trong đó, ông T quản lý sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450293 ngày 20/3/2003, diện tích 4.420m^2 (diện tích đo thực tế là 4.244,4m^2 đất) thuộc các thửa đất số 619, 8, 9,10, 45 và 590, tờ bản đồ số 24, 33, đất tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

[5.3] Ngày 01/10/2002, các con của cụ Rân và cụ Phệt họp gia đình lập "Tờ phân chia đất" chia diện tích đất của hai cụ thành 12 phần, con trai mỗi người được chia 1.500m^2 đất, con gái mỗi người được chia 1.200m^2 (Tờ chia đất có chữ ký của ông T). Ngày 08/11/2018, các con của cụ Rân và cụ Phệt họp gia đình lập "Biên bản chia tài sản chung" phân chia lại diện tích đất của hai cụ thành 12 phần bằng nhau, con trai và con gái mỗi người được chia 1.500m^2 đất (Biên bản chia tài sản chung không có chữ ký của ông T). Các con còn lại của cụ Rân và cụ Phệt không tranh chấp chia di sản thừa kế của hai cụ để lại, chỉ có bà U và bà H với ông T tranh chấp. Nguyên đơn bà U và bà H cho rằng sau khi cha mẹ chết, các anh chị em đã thống nhất phân chia phần đất của cha mẹ để lại, đối với các phần đất do ông Rúp, ông Tạo và ông D quản lý sử dụng đã được phân chia cho các anh chị em mỗi người 1.500m^2 đất, trong đó phần của bà H mới được chia 1.000m^2 đất còn thiếu 500m^2 đất, bà U chưa được chia đất, riêng phần đất do ông T quản lý sử dụng chưa phân chia, nên ông T phải có nghĩa vụ chia cho bà U 1.500m^2 đất và bà H 500m^2.

[5.4] Tại các bản tự khai (BL 172 -178), bà Dẳn, bà Giữ, bà Rúp, ông D, ông Cơ, bà Lan (vợ ông Vình), bà Phúc đều xác nhận phần đất do ông T quản lý sử dụng chưa phân chia cho các anh chị em, nên ông T phải có nghĩa vụ chia cho bà U 1.500m^2 đất và bà H 500m^2 đất đúng với thỏa thuận tại "Biên bản chia tài sản chung" ngày 08/11/2018. Ông T không đồng ý và cho rằng phần đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cha mẹ cho, nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2020, bà U, bà H đều thừa nhận trong diện tích đất 4.244,4m^2 đang tranh chấp có 700m^2 đất do ông T nhận chuyển nhượng của ông Vình (BL 372, 373), việc này cũng đã được ông Vình xác nhận tại Giấy cam kết ngày 23/12/2018 (BL 84). Đây được xem là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.5] Từ những tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định di sản của cụ Rân và cụ Phệt để lại là quyền sử dụng đất chưa được chia có diện tích 3.544,4m^2 (4.244,4m^2 đất -700m^2), còn phần đất có diện tích 700m^2 là của ông T nhận chuyển nhượng từ ông Vình, đối với diện tích đất 1.000m^2 ông T cho rằng được cha mẹ cho sau đó ông T thỏa thuận đổi với ông D để lấy phần đất gò diện tích 1.800m^2, người đại diện của ông T đề nghị khi chia thừa kế xác định phần đất đổi dư này là của ông T nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý vì xác định phần đất hoán đổi với ông D cũng có nguồn gốc do cha mẹ để lại thì vẫn là di sản thừa kế. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất 4.244,4m^2 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cha mẹ cho riêng, từ đó xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U và bà H là không có căn cứ.

[5.6] Xét đối với "Biên bản chia tài sản chung" ngày 08/11/2018 không có chữ ký của ông T, không được ông T thừa nhận. Như vậy, biên bản này không có giá trị pháp lý để buộc ông T thực hiện. Xét "Tờ phân chia đất" ngày 01/10/2002 có chữ ký của ông T và được người đại diện của ông T thừa nhận là ông T có ký tên, các anh em trong gia đình thống nhất chia cho bà U và bà H mỗi người 1.200m^2. Như vậy, tờ phân chia đất này có giá trị pháp lý để xem xét chia thừa kế cho các nguyên đơn.

[5.7] Từ những phân tích trên có cơ sở xác định di sản thừa kế còn lại là diện tích 3.544,4m^2 hiện tại do ông T đang quản lý sử dụng, bà H thừa nhận trước đó đã được chia 1.000m^2 nên bà H yêu cầu chia thêm 200m^2, bà U xác định chưa được chia đất nên yêu cầu chia cho bà U 1.200m^2. Xét thấy, đối với phần đất này ông T quản lý sử dụng từ năm 1977 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 đến nay, như vậy khi chia thừa kế phải xem xét công sức đóng góp, gìn giữ đất và cải tạo nâng giá trị đất cho ông T để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông T, do đó diện tích đất 3.544,4m^2 chia cho ông T 1.500m^2 và chia cho bà U 1.200m^2, bà H 200m^2, diện tích đất còn lại 644,4m^2 sẽ được chia cho ông T xem như công sức của ông T.

[5.8] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà H và bà U yêu cầu được nhận di

sản thừa kế bằng tiền theo giá chứng thư thẩm định giá đã định vì chia bằng quyền sử dụng đất không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa thì bà U và bà H không làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thấy rằng, yêu cầu của bà U, bà H đề nghị chia kỷ phần thừa kế được hưởng bằng tiền được phía bị đơn đồng ý, là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình ông T quản lý sử dụng cải tạo đất trong một khoảng thời gian rất dài nên chia cho ông T phần công sức 644,4m^2 là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông T, do đó cần trích thêm 20% trên tổng giá trị đất được chia cho bà U và bà H để cộng thêm cho ông T mới phù hợp với thực tế. Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 260/31/08/2020/TĐG LA-BĐS của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Phúc đã định giá quyền sử dụng đất ngày 31 tháng 08 năm 2020: giá trị quyền sử dụng đất yêu cầu có giá 3.470.000m/1m^2 x 1.400m^2 = 4.858.000.000đồng, trừ 20% trích lại công sức thêm cho ông T là 971.600.000đồng. Như vậy bà U được chia số tiền là 3.331.200.000đồng, bà H được chia số tiền là 555.200.000đồng. Như vậy, ông T có trách nhiệm hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất mà bà H và bà U được chia thừa kế, diện tích đất 4.244,4m^2 hiện ông T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T được tiếp tục quản lý và sử dụng.

Từ nhận định trên: Có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tại các cấp là 52.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1]. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được miễn án phí.

[8.2]. Bà Nguyễn Thị U phải chịu 98.624.000đồng, bà U được khấu trừ số tiền đã thi hành tại Bản án dân sự phúc thẩm số 79/2021/DS-PT theo Quyết định số thi hành án số 1915/QĐ-CCTHADS ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ thoái hoàn lại số tiền bà Nguyễn Thị U đã nộp còn thừa là 13.744.774 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 163, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 100, Điều 166, khoản 2 Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U về việc "tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" đối với ông Nguyễn Văn T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị U số tiền được chia thừa kế là 3.331.200.000 đồng.

1.2 Buộc ông Nguyễn Văn T hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho cho bà Nguyễn Thị H số tiền được chia thừa kế là 555.200.000 đồng.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà U, bà H cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

1.4. Ông Nguyễn Văn T được tiếp tục quản lý và sử dụng các thửa đất số 619, 8, 9, 10, 45 và 490, tổng diện tích đo thực tế là 4.244,4m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 450293 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn T là 4.420m^2), các thửa đất đều tọa lạc tại Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quyền sử dụng đất này hiện do ông Nguyễn Văn T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.5. Vị trí, tứ cận các thửa đất Theo Mảnh trích đo địa chính số 869-2020 của Công ty đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo ngày 20 tháng 8 năm 2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 27/8/2020 (kèm theo Mảnh trích đo).

2. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tại Tòa án các cấp là 52.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí.

3.2. Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí.

3.3. Bà Nguyễn Thị U phải chịu 98.624.000đồng, bà U được khấu trừ số tiền đã thi hành tại Bản án dân sự phúc thẩm số 79/2021/DS-PT theo Quyết định số thi hành án số 1915/QĐ-CCTHADS ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ thoái hoàn lại số tiền bà Nguyễn Thị U đã nộp còn thừa là 13.744.774 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí.

4.2. Bà Nguyễn Thị U không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà U số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006246 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc – Lưu Văn Uẩn **Phùng Thị Cẩm Hồng**

Theo Mảnh trích đo địa chính số 869-2020, hệ tọa độ VN 2000, khu vực nông thôn, Ấp R, tờ bản đồ số 24, 33 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Trung Nghĩa ngày 20 tháng 8 năm 2020 thì phần đất là di sản thừa kế của cụ Rân và cụ Phệt để lại có diện tích thực tế là 4244,4m^2. Bà H và bà U chỉ yêu cầu chia diện tích 1638 m^2 trong tổng số 4244,4m^2 đất, phần đất còn lại thuộc quyền quản lý sử dụng của ông T, có tính đến công sức tôn tạo, bồi dưỡng làm tăng giá trị đất của ông T, yêu cầu này của bà U và bà H ít hơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là có lợi cho ông T, nên được chấp nhận.